

**Phục lục 1**

**PHỤ LỤC ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN TỪ NGUỒN KINH PHÍ THƯỜNG XUYÊN KHÔNG TỰ CHỦ SANG KINH PHÍ THƯỜNG XUYÊN TỰ CHỦ**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày /4/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo)*

*Đơn vị tính: đồng*

TT	Đơn vị	Mã ĐV QHNS	Mã kho bạc	Kho bạc giao dịch	Nguồn chi thường xuyên		Nguồn Trung ương bổ sung có mục tiêu	
					<i>Dự toán giao nguồn không tự chủ theo QĐ 1582/QĐ-SGDĐT ngày 30/12/2025 (Tính chất 12)</i>	<i>Dự toán điều chỉnh sang nguồn chi thường xuyên giao tự chủ (Tính chất 13)</i>	<i>Dự toán giao nguồn không tự chủ theo QĐ 1582/QĐ-SGDĐT ngày 30/12/2025 (TC 12, mã CTMT: 10950)</i>	<i>Dự toán điều chỉnh sang nguồn chi thường xuyên giao tự chủ (Tính chất 13, mã CTMT: 10959)</i>
	<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>1.647.888.926.000</b>	<b>1.346.672.217.000</b>	<b>12.996.000.000</b>	<b>12.996.000.000</b>
<b>I</b>	<b>Loại khoản: 422- 074</b>				<b>1.585.191.161.000</b>	<b>1.294.344.652.000</b>	<b>12.833.968.000</b>	<b>12.833.968.000</b>
1	Trường THPT Phan Châu Trinh	1006806	0161	KBNN KV XIII	55.830.033.000	51.699.078.000	-	-
2	Trường THPT Trần Phú	1006666	0161	KBNN KV XIII	33.829.902.000	30.402.904.000	-	-
3	Trường THPT Nguyễn Hiền	1070871	0161	KBNN KV XIII	27.144.727.000	24.073.210.000	80.837.000	80.837.000
4	Trường THPT Hòa Vang	1006802	0168	1	21.050.260.000	19.268.957.000	80.837.000	80.837.000
5	Trường THPT Ông Ích Khiêm	1070487	0162	3	26.143.608.000	23.299.334.000	-	-
6	Trường THPT Thái Phiên	1006569	0166	2	37.004.616.000	32.446.742.000	-	-
7	Trường THPT Hoàng Hoa Thám	1006570	0168	1	23.568.683.000	21.945.203.000	80.837.000	80.837.000
8	Trường THPT Ngô Quyền	1070725	0168	1	22.473.886.000	19.974.715.000	80.837.000	80.837.000
9	Trường THPT Ngũ Hành Sơn	1070732	0168	1	19.338.965.000	17.066.193.000	80.837.000	80.837.000
10	Trường THPT Nguyễn Trãi	1070731	0166	2	20.758.688.000	18.655.665.000	80.837.000	80.837.000
11	Trường THPT Phạm Phú Thứ	1062985	0166	2	20.277.959.000	17.778.211.000	-	-
12	Trường THPT Phan Thành Tài	1069371	0168	1	21.591.715.000	19.298.758.000	80.837.000	80.837.000
13	Trường THPT Tôn Thất Tùng	1041467	0168	1	20.656.804.000	18.625.406.000	80.837.000	80.837.000
14	Trường THPT Nguyễn Thượng Hiền	1062837	0166	2	20.366.020.000	17.825.288.000	-	-
15	Trường THPT Thanh Khê	1026270	0166	2	20.822.710.000	18.708.429.000	-	-
16	Trường THPT Cẩm Lệ	1114188	0168	1	19.420.918.000	17.090.295.000	80.837.000	80.837.000
17	Trường THPT Liên Chiểu	1121951	0166	2	15.708.030.000	13.927.926.000	-	-
18	Trường THPT Võ Chí Công	1123991	0168	1	13.498.053.000	11.519.041.000	-	-
19	Trường THPT Sơn Trà	1127102	0168	1	16.113.406.000	14.331.824.000	161.675.000	161.675.000
20	Trường THPT Nguyễn Văn Thoại	1130309	0168	1	16.086.236.000	14.311.473.000	-	-
21	Trường THCS&THPT Nguyễn Khuyến	1063083	0161	KBNN KV XIII	28.470.682.000	25.845.313.000	-	-

22	Trường THPT Duy Tân	1104319	0171	4	20.675.362.000	18.261.571.000	-	-
23	Trường THPT Lê Quý Đôn	1045044	0171	4	22.441.554.000	20.019.150.000	-	-
24	Trường THPT Phan Bội Châu	1045035	0171	4	24.814.097.000	22.258.678.000	-	-
25	Trường THPT Trần Cao Vân	1010034	0171	4	26.767.073.000	24.223.380.000	-	-
26	Trường THPT Nguyễn Trãi - Hội An	1060002	0179	12	18.418.473.000	16.156.756.000	-	-
27	Trường THPT Trần Hưng Đạo	1096986	0179	12	14.874.494.000	13.072.380.000	-	-
28	Trường THPT Trần Quý Cáp	1010043	0179	12	19.123.138.000	16.814.912.000	-	-
29	Trường THPT Hoàng Diệu	1010041	0179	12	18.902.892.000	16.868.744.000	-	-
30	Trường THPT Lương Thế Vinh	1045041	0179	12	26.462.689.000	22.776.971.000	-	-
31	Trường THPT Nguyễn Duy Hiệu	1010036	0179	12	24.864.940.000	22.061.810.000	-	-
32	Trường THPT Nguyễn Khuyến	1063742	0179	12	19.670.548.000	16.745.975.000	-	-
33	Trường THPT Phạm Phú Thứ - Gò Nổi	1010042	0179	12	11.556.935.000	10.141.343.000	-	-
34	Trường THPT Hồ Nghinh	1125778	0179	12	14.793.278.000	12.884.008.000	-	-
35	Trường THPT Lê Hồng Phong	1010037	0179	12	15.328.636.000	13.672.246.000	-	-
36	Trường THPT Nguyễn Hiền - Duy Xuyên	1063743	0179	12	16.069.272.000	14.422.328.000	-	-
37	Trường THPT Sào Nam	1010044	0179	12	18.411.877.000	16.783.201.000	-	-
38	Trường THPT Chu Văn An	1010121	0176	9	18.783.519.000	16.868.640.000	-	-
39	Trường THPT Đỗ Đăng Tuyển	1010120	0176	9	18.512.046.000	16.589.968.000	-	-
40	Trường THPT Huỳnh Ngọc Huệ	1010163	0176	9	18.532.719.000	16.505.656.000	110.260.000	110.260.000
41	Trường THPT Lương Thúc Kỳ	1063747	0176	9	17.120.825.000	15.175.615.000	-	-
42	Trường THPT Hùng Vương	1110198	0171	4	20.368.285.000	17.848.068.000	-	-
43	Trường THPT Lý Tự Trọng	1045043	0178	11	11.708.598.000	10.211.298.000	-	-
44	Trường THPT Nguyễn Thái Bình	1045170	0178	11	23.321.917.000	20.452.302.000	-	-
45	Trường THPT Thái Phiên - Thăng Bình	1064441	0178	11	18.589.221.000	16.638.246.000	-	-
46	Trường THPT Tiểu La	1009977	0178	11	21.141.547.000	19.022.493.000	-	-
47	Trường THPT Quế Sơn	1009978	0178	11	16.004.305.000	13.778.705.000	-	-
48	Trường THPT Nguyễn Văn Cừ	1010039	0178	11	18.590.321.000	16.177.460.000	-	-
49	Trường THPT Trần Đại Nghĩa	1063740	0178	11	11.956.806.000	10.141.385.000	-	-
50	Trường THPT Nguyễn Dục	1027236	0172	5	14.283.623.000	12.766.224.000	-	-
51	Trường THPT Trần Văn Dư	1045037	0171	4	13.878.739.000	12.392.170.000	-	-
52	Trường THPT Võ Nguyên Giáp	1131281	0172	5	14.565.503.000	13.089.356.000	-	-
53	Trường THPT Núi Thành	1010035	0173	6	26.397.281.000	23.971.953.000	-	-
54	Trường THPT Cao Bá Quát	1045040	0173	6	20.539.448.000	18.391.765.000	-	-
55	Trường THPT Nguyễn Huệ	1063739	0173	6	22.177.178.000	19.655.729.000	-	-

56	Trường THPT Nông Sơn	1010040	0178	11	12.906.290.000	11.137.544.000	-	-
57	Trường THPT Hiệp Đức	1010033	0178	11	17.924.040.000	12.807.666.000	-	-
58	Trường THPT Trần Phú - Việt An	1098456	0178	11	12.085.016.000	10.231.289.000	-	-
59	Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng	1045172	0177	10	18.553.906.000	16.102.978.000	-	-
60	Trường THPT Phan Châu Trinh - Tiên Phước	1011556	0177	10	15.854.465.000	13.879.510.000	-	-
61	Trường THPT Âu Cơ	1098671	0175	8	13.491.839.000	7.075.579.000	-	-
62	Trường THPT Quang Trung - Đông Giang	1045038	0175	8	14.621.091.000	5.876.760.000	3.728.958.000	3.728.958.000
63	Trường THPT Tây Giang	1090329	0174	7	14.903.976.000	7.955.660.000	518.548.000	518.548.000
64	Trường THPT Võ Chí Công - Hùng Sơn	1127079	0174	7	11.188.638.000	5.549.126.000	705.407.000	705.407.000
65	Trường THPT Nguyễn Văn Trỗi	1110098	0176	9	21.466.959.000	12.965.726.000	-	-
66	Trường THPT Tô Hữu	1045039	0176	9	18.936.425.000	8.182.062.000	2.343.326.000	2.343.326.000
67	Trường THPT Khâm Đức	1045131	0176	9	23.772.702.000	11.533.377.000	-	-
68	Trường THPT Bắc Trà My	1090324	0177	10	34.094.487.000	18.829.285.000	-	-
69	Trường THPT Nam Trà My	1072522	0177	10	26.793.838.000	10.685.637.000	-	-
70	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn	1006801	0168	1	43.950.070.000	35.794.020.000	-	-
71	Trường THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm	1092748	0171	4	27.952.372.000	26.116.002.000	450.053.000	450.053.000
72	Trường THPT chuyên Lê Thánh Tông	1114918	0179	12	27.327.181.000	25.348.367.000	119.488.000	119.488.000
73	Trường PTDTNT THPT Quảng Nam	1060732	0179	12	29.885.766.000	13.811.799.000	172.648.000	172.648.000
74	Trường PTDTNT THPT và THCS Phước Sơn	1099757	0176	9	19.801.169.000	8.498.148.000	1.543.380.000	1.543.380.000
75	Trường PTDTNT THPT và THCS Nước Oa	1099720	0177	10	23.068.299.000	10.686.406.000	112.160.000	112.160.000
76	Trường PTDTNT THPT và THCS Nam Trà My	1099722	0177	10	16.809.592.000	6.343.260.000	2.140.532.000	2.140.532.000
<b>II</b>	<b>Loại khoản: 422 - 072</b>				<b>34.742.066.000</b>	<b>27.629.898.000</b>	-	-
1	Trường Chuyên biệt Trương Lai	1012109	0161	KBNN KV XIII	17.140.143.000	13.613.683.000	-	-
2	Trung tâm Hỗ trợ PTGD hòa nhập	1076378	0166	2	17.601.923.000	14.016.215.000	-	-
<b>III</b>	<b>Loại khoản: 422 - 075</b>				<b>27.955.699.000</b>	<b>24.697.667.000</b>	<b>162.032.000</b>	<b>162.032.000</b>
1	Trung tâm GDTX Số 1	1070733	0168	1	8.506.013.000	7.612.381.000	-	-
2	Trung tâm GDTX Số 2	1076373	0166	2	10.966.808.000	9.792.158.000	-	-
3	Trung tâm GDTX Số 3	1033043	0168	1	8.482.878.000	7.293.128.000	162.032.000	162.032.000